

Số: **1091** /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày **19** tháng **7** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số **511**/TTr-TNMT ngày **13** / **7**/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Luyến – Cư trú tại: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 21.673.728 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi một triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.





- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Đông Phong.
- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị Luyến có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Đông Phong, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

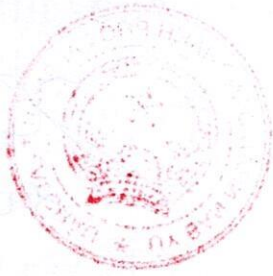
- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng





BẢNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

**Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc
(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu).**

Kèm theo Quyết định số: **1091** /QĐ-UBND ngày **19** tháng **7** năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
1	Hộ bà Nguyễn Thị Luyến					
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				21.673.728	
a	Về đất				598.500	
1	Diện tích thu hồi	m ²	17,1			
2	Loại đất					
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	17,1	35.000	598.500	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc sử dụng đất: Đất bà Nguyễn Thị Luyến được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ527878, loại đất trồng cây hàng năm, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp. Phần diện tích chồng lấn lên đất giao thông là đất của gia đình tự chữa ra làm lối đi cho mình và đưa đất vào sử dụng là đất BHK từ trước năm 2004					
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do bà Nguyễn Thị Luyến tạo lập năm 2009 trên phần đất nông nghiệp và đất đã thu hồi của dự án trước, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp; tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất)				21.075.228	
	Phần tài sản nằm trên diện tích đất thu hồi mới					
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (3,35*5,1)	m ²	17,1	334.400	5.713.224	
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3,42*5)	m ²	17,1	83.600	1.429.560	
3	Tấm nhựa quây (2,3*1,6)	m ²	3,7	39.700	146.096	
4	Tôn Quây (0,4*3)	m ²	1,2	115.500	138.600	
	Phần tài sản nằm trên diện tích đất đã thu hồi					
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (0,95*5,1)	m ²	4,8	334.400	1.620.168	
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (0,58*5)	m ²	2,9	83.600	242.440	
3	Công sắt (1,9*1,7)	m ²	3,2	825.000	2.664.750	
4	Trụ công BTCT (0,3*0,3*1,9)*2	m ³	0,3	3.500.000	1.197.000	
5	Khung sắt lưới B40 (2,8*1,6)	m ²	4,5	123.200	551.936	
6	Khung sắt lưới B40 (3,8*1,6)	m ²	6,1	123.200	749.056	
7	Tường xây gạch đỏ tường 11cm (10,2*1,3)	m ²	13,3	273.900	3.631.914	
8	Khung thép lưới B40 (3,6*1,6)	m ²	5,8	123.200	709.632	
9	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2,1*2,7)	m ²	5,7	83.600	474.012	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
	Phần tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được					
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (5,1*0,7)	m ²	3,6	334.400	1.193.808	
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (0,7*5)	m ²	3,5	83.600	292.600	
3	Khung thép lưới B 40 (1,6*0,7)*2	m ²	2,2	123.200	275.968	
4	Nhựa quây (1,6*0,7)	m ²	1,1	39.700	44.464	



